

**CÔNG TY TNHH GỖ VIỄN ĐĂNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GỖ VIỄN ĐĂNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702765238

**3. Ngày thành lập:** 25/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số 4372, Tờ bản đồ số 3TDH, Khu Phố Đông Chiêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán gỗ các loại, mua bán ngũ kim, vật liệu xây dựng (trừ hoạt động bên thủy nội địa) | 4663(Chính) |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết : Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất làm bằng gỗ.                                               | 4649        |
| 3.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Bán buôn hóa chất dùng trong ngành gỗ. (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế)            | 4669        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết : Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng dùng trong ngành gỗ.                                     | 4659        |
| 5.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                  | 4661        |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                           | 4662        |
| 7.  | Khai thác gỗ<br>(Gỗ rừng trồng )                                                                                                                              | 0220        |
| 8.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                             | 4101        |
| 9.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                       | 4102        |
| 10. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                    | 4299        |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                                                                        | 4311        |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                             | 4312        |
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                | 4330        |
| 14. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                           | 4390        |
| 15. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                       | 3320        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                         | 4321        |

|     |                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                        | 4322 |
| 18. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                               | 4329 |
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                             | 4932 |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                               | 4933 |
| 21. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                     | 5621 |
| 22. | Dịch vụ ăn uống khác (trừ quán bar, vũ trường)                                                                                                                                               | 5629 |
| 23. | Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, vũ trường)                                                                                                                                            | 5630 |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (trừ quán bar, vũ trường)                               | 5610 |
| 25. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>(Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai (SKC), xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                     | 3100 |
| 26. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>(Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai (SKC), xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                    | 1610 |
| 27. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác<br>(Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai (SKC), xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường) | 1621 |
| 28. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng<br>(Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai (SKC), xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                           | 1622 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.800.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ THANH KIM

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 03/05/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 281172746

Ngày cấp: 07/09/2013

Nơi cấp: Công an Bình Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu Phố Đông Chiêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu Phố Đông Chiêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 25/04/2019 đến ngày 25/05/2019

\* Họ và tên: LÊ THANH KIM

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch công ty kiêm giám đốc*

Sinh ngày: 03/05/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 281172746

Ngày cấp: 07/09/2013

Nơi cấp: Công an Bình Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu Phố Đông Chiêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu Phố Đông Chiêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương